CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/NQ-KMN	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (Công ty);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ công văn số 2577/KVN-ĐTPT ngày 04/11/2026 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP về việc hoàn thành báo cáo kế hoạch 2026 – 2030;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 18/TTr-KMN ngày 09 tháng 11 năm 2026 và căn cứ Biên bản kiểm phiếu xin ý kiến Hội đồng Quản trị Công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam theo Tờ trình số 18/TTr-KMN ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty với các chỉ tiêu chính theo như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 phù hợp với nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết này, các quy định nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng chức năng, Giám đốc Chi nhánh trực thuộc và Công ty thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT. HH.02.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0305097236 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM
P. SÀI GÒN - TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Việt Dũng

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Đính kèm Nghị quyết số:18/NQ-KMN ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng Quản trị Công ty)

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026 – 2030				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Chỉ tiêu sản lượng						
Khí hóa lỏng LPG	**Tấn**	**201.606**	**209.292**	**219.400**	**232.228**	**247.183**
LPG dân dụng	Tấn	147.006	151.416	157.473	165.346	173.614
LPG rời	Tấn	54.600	57.876	61.927	66.882	73.570
Bình khí						
Vỏ bình làm mới	Vỏ	207.770	228.547	238.832	250.773	268.327
Vỏ bình bảo dưỡng	Vỏ	702.940	724.028	752.989	790.639	838.077
Xăng dầu	**Lít**	**4.380.000**	**4.507.226**	**4.560.000**	**4.597.000**	**4.643.700**
Khí nén CNG/LNG	**Sm³**	**135.241.768**	**152.000.000**	**180.000.000**	**210.000.000**	**256.000.000**
Chỉ tiêu tài chính						
Tổng doanh thu	Tỷ.đ	6.501,50	7.541,74	8.748,42	10.104,42	11.771,65
Chi phí	Tỷ.đ	1.027,36	1.181,46	1.382,31	1.617,31	1.892,25
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	128,60	146,00	165,00	182,00	220,00
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	102,88	116,80	132,00	145,60	176,00
Đầu tư xây dựng						
Giá trị thực hiện đầu tư	**Tỷ.đ**	**191,98**	**201,58**	**161,26**	**177,39**	**186,26**
XDCB và mua sắm TTB	Tỷ.đ	191,98	201,58	161,26	177,39	186,26
Đầu tư tài chính	Tỷ.đ					
Giá trị vốn giải ngân	**Tỷ.đ**	**182,35**	**191,50**	**151,26**	**157,39**	**166,26**
Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	97,64	103,41	81,68	84,99	89,78
Vốn vay và khác	Tỷ.đ	84,71	88,09	69,58	72,40	76,48
Các chỉ tiêu khác						
Lao động và thu nhập						
Số lao động cuối kỳ	Người	1.245	1.253	1.262	1.280	1.310
Số lao động bình quân	Người	1.245	1.253	1.262	1.280	1.310
Thu nhập bình quân	Tr.đ/Ng/Th	16,32	17,14	18,16	19,44	21,38
Thực hiện đào tạo	**Lượt**	**3.413**	**3.421**	**3.500**	**3.520**	**3.533**
Kinh phí đào tạo	**Tỷ.đ**	**1,90**	**2,00**	**2,10**	**2,12**	**2,15**